

TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ LUẬN CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG BỀN VỮNG CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP: TRƯỜNG HỢP CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

ĐÀO THANH NHÀN
Trường Đại học Tiền Giang

Nhận bài ngày 05/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

This article reviews domestic and international studies on factors affecting the sustainable quality of corporate financial reporting. The literature indicates that financial reporting quality is influenced by three principal groups of internal and external factors: firm characteristics, corporate governance mechanisms, and the institutional environment. However, empirical research in the context of Vietnamese commercial banks remains limited. Accordingly, the article proposes directions for refining the theoretical framework and measurement scales, thereby providing a foundation for future empirical research and practical measures to improve financial reporting quality in alignment with sustainable development objectives.

Keywords: Commercial banks, ESG, financial reporting, IFRS Sustainability Disclosure Standards, sustainable financial reporting quality.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu rộng với thị trường tài chính quốc tế, yêu cầu về minh bạch, trách nhiệm giải trình và chất lượng thông tin do doanh nghiệp cung cấp ngày càng được quan tâm. Báo cáo tài chính không chỉ là công cụ phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ nhất định mà còn là nguồn thông tin quan trọng phục vụ các bên có liên quan. Chất lượng của báo cáo tài chính vì vậy có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ tin cậy của thông tin trên thị trường, khả năng đánh giá rủi ro và triển vọng hoạt động của doanh nghiệp.

Theo Khung khái niệm về báo cáo tài chính của IASB (2018), thông tin tài chính hữu ích cần có các đặc tính cơ bản là tính thích hợp và trình bày trung thực, đồng thời được tăng cường bởi khả năng so sánh, kiểm chứng, kịp thời và dễ hiểu. Những đặc tính này giúp người sử dụng báo cáo có thể nhận diện, đánh giá và so sánh tình hình tài chính của doanh nghiệp một cách phù hợp hơn. Trong điều kiện hiện nay, yêu cầu đối với thông tin doanh nghiệp không còn giới hạn trong phạm vi các chỉ tiêu tài chính truyền thống. Nhà đầu tư và các bên liên quan ngày càng quan tâm đến những vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (Environmental, Social and Governance – ESG), cũng như khả năng doanh nghiệp tạo ra giá trị trong dài hạn.

Chất lượng bền vững nhấn mạnh khả năng duy trì các đặc tính chất lượng của thông tin trong dài hạn, đồng thời có sự kết nối hợp lý giữa thông tin tài chính với những yếu tố phi tài chính có thể ảnh hưởng đến khả năng tạo giá trị của doanh nghiệp. Các nghiên cứu trước đây cho thấy chất lượng báo cáo và chất lượng công bố thông tin chịu tác động của nhiều nhóm yếu tố khác nhau. Trong đó, đặc điểm doanh nghiệp, cơ chế quản trị công ty, chất lượng kiểm toán, môi trường pháp lý và áp lực từ các bên liên quan thường được xem là những nhóm nhân tố quan trọng. Velte (2022) và Dumitru và Dragomir (2023) cho thấy cơ chế quản trị, hiệu quả của ủy ban kiểm toán và chất lượng kiểm toán có thể góp phần nâng cao chất lượng công bố thông tin. Bên cạnh đó, Pillai và Seetah (2022) nhấn mạnh

Email: daothanhnhan@tgu.edu.vn

vai trò của quy mô doanh nghiệp, năng lực quản trị và môi trường thể chế trong việc hình thành chất lượng báo cáo theo hướng bền vững.

Đối với ngân hàng thương mại, chất lượng báo cáo tài chính có vai trò quan trọng do đặc thù hoạt động gắn với nguồn vốn huy động và nhiều loại rủi ro. Thông tin tài chính có độ tin cậy cao là cơ sở bảo vệ lợi ích của người gửi tiền, nhà đầu tư và hỗ trợ cơ quan quản lý đánh giá mức độ an toàn của hệ thống. Tại Việt Nam, yêu cầu này ngày càng rõ nét cùng với quá trình tiếp cận IFRS, tăng cường minh bạch thông tin và thúc đẩy tài chính xanh, ESG, phát triển bền vững. Điều đó đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng dữ liệu và tăng cường sự liên kết giữa kế toán, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và công bố thông tin. Một số nghiên cứu trong nước đã đề cập đến chất lượng báo cáo tài chính và báo cáo bền vững của ngân hàng. Nguyen Thi Phuong Hong (2024) cho thấy quy mô, tính độc lập của Hội đồng quản trị, quy mô ngân hàng và khả năng sinh lời có tác động tích cực đến chất lượng báo cáo tài chính. Nguyen Van Ha, Vu Khanh Linh và Do Khanh Hien (2025) cũng ghi nhận mối liên hệ giữa chất lượng báo cáo bền vững và sự ổn định ngân hàng. Tuy nhiên, hai hướng nghiên cứu này vẫn chủ yếu được xem xét riêng biệt. Vì vậy, tiếp cận chất lượng bền vững của báo cáo tài chính, trên cơ sở kết hợp chất lượng thông tin tài chính với các yêu cầu về ESG, là hướng nghiên cứu còn mới và có ý nghĩa đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Vì vậy, bài viết chủ yếu tổng hợp cơ sở lý luận và kết quả của các nghiên cứu trong và ngoài nước về những yếu tố tác động đến chất lượng bền vững của báo cáo tài chính. Thông qua việc hệ thống hóa các kết quả nghiên cứu, bài viết xác định những nhóm yếu tố có tính phổ biến, chỉ ra những điểm chưa thống nhất và nhận diện khoảng trống nghiên cứu trong bối cảnh ngân hàng thương mại Việt Nam. Từ đó, đề xuất định hướng xây dựng mô hình nghiên cứu phù hợp cho các nghiên cứu tiếp theo.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tường thuật được sử dụng chủ yếu trong bài viết này nhằm tổng hợp, tóm tắt các kết quả chính từ những nghiên cứu trong và ngoài nước trước đây về các yếu tố tác động đến chất lượng bền vững báo cáo tài chính để thể hiện quan điểm nghiên cứu của tác giả.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý thuyết

Chất lượng bền vững của báo cáo tài chính được hiểu là mức độ thông tin tài chính được trình bày trung thực, thích hợp, nhất quán và có khả năng so sánh, đồng thời có sự liên kết phù hợp với các thông tin về môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Theo IASB (2018) và IFRS Foundation (2023), tính thích hợp, trình bày trung thực, khả năng so sánh, kiểm chứng, kịp thời và dễ hiểu là những đặc tính nền tảng quyết định giá trị sử dụng của thông tin tài chính. Trong đó, tính thích hợp giúp thông tin hỗ trợ quá trình ra quyết định; trình bày trung thực bảo đảm thông tin phản ánh đầy đủ, trung lập và không sai lệch trọng yếu; khả năng so sánh và kiểm chứng giúp người sử dụng đánh giá thông tin giữa các kỳ, doanh nghiệp và có cơ sở kiểm tra tính đáng tin cậy. Các đặc tính này bổ trợ lẫn nhau, góp phần nâng cao chất lượng báo cáo tài chính.

Theo định hướng phát triển bền vững, chất lượng báo cáo cần được xem xét gắn với các yếu tố ESG do những yếu tố này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến tài chính, rủi ro, uy tín và khả năng tạo giá trị dài hạn của doanh nghiệp. Do đó, sự kết hợp hợp lý giữa thông tin tài chính và ESG không chỉ tăng tính minh bạch mà còn giúp nhà đầu tư, chủ nợ và các bên liên quan đánh giá toàn diện hơn về hiệu quả, rủi ro, cơ hội và triển vọng phát triển của doanh nghiệp. Việc nâng cao chất lượng thông tin được công bố cũng góp phần hạn chế tình trạng bất cân xứng thông tin giữa doanh nghiệp và các đối tượng bên ngoài. Khi doanh nghiệp cung cấp thông tin đầy đủ và đáng tin cậy, khoảng cách thông tin giữa người quản lý và nhà đầu tư có thể được thu hẹp. Điều này góp phần củng cố niềm tin của thị trường đối với doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tiếp cận các nguồn vốn và giảm những chi phí phát sinh do sự thiếu minh bạch thông tin. Về dài hạn, chất lượng báo cáo được cải thiện có thể hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng cho quá trình phát triển bền vững (Eccles et al., 2014; Barth et al., 2017; IFRS Foundation, 2023).

Các yếu tố tác động đến chất lượng bền vững của báo cáo tài chính có thể được hiểu là tập hợp những nhân tố có khả năng chi phối mức độ đầy đủ, minh bạch, nhất quán và đáng tin cậy của thông tin tài chính cũng như các thông tin liên quan đến ESG mà doanh nghiệp cung cấp cho các bên liên quan. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến nội dung và phạm vi thông tin được công bố mà còn tác động đến khả năng sử dụng, đánh giá và so sánh thông tin của các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp.

Theo IFRS Foundation (2023), chất lượng thông tin được xem xét trên cơ sở những đặc tính quan trọng, trong đó tính thích hợp và trình bày trung thực là các đặc tính cơ bản, còn khả năng so sánh, kiểm chứng, kịp thời và dễ hiểu góp phần nâng cao giá trị sử dụng của thông tin. Việc đáp ứng các đặc tính này góp phần tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp. Trong điều kiện thông tin ESG ngày càng được quan tâm, việc duy trì sự nhất quán giữa thông tin tài chính và thông tin phi tài chính cũng trở thành một yêu cầu đáng chú ý. Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu trước đây, chất lượng báo cáo tài chính và báo cáo liên quan đến phát triển bền vững chịu sự tác động đồng thời của nhiều nhóm nhân tố khác nhau. Trong đó, các yếu tố thuộc về quản trị công ty và chất lượng kiểm toán có vai trò quan trọng trong việc giám sát, kiểm soát và hạn chế những sai lệch trong quá trình lập và công bố thông tin. Bên cạnh đó, các đặc điểm nội tại của doanh nghiệp như quy mô, khả năng sinh lời và cấu trúc sở hữu có thể tạo ra sự khác biệt về mức độ minh bạch và chất lượng thông tin.

Ngoài ra, việc áp dụng các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và sức ép ngày càng gia tăng từ các bên liên quan cũng thúc đẩy doanh nghiệp cải thiện hệ thống báo cáo theo hướng đầy đủ, nhất quán và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin của thị trường. Những kết quả này được đề cập trong nhiều nghiên cứu, tiêu biểu như Dechow et al. (2010) và Velte (2022), qua đó cho thấy chất lượng báo cáo là kết quả của sự tương tác giữa đặc điểm doanh nghiệp, cơ chế quản trị và môi trường báo cáo.

Đối với các ngân hàng thương mại, chất lượng bền vững của báo cáo tài chính không chỉ chịu tác động từ những yếu tố chung của doanh nghiệp mà còn gắn liền với những đặc điểm riêng của lĩnh vực ngân hàng. Năng lực quản trị rủi ro, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, mức độ tuân thủ quy định pháp luật và yêu cầu về minh bạch, công bố thông tin có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm độ tin cậy của thông tin tài chính. Do đặc thù hoạt động dựa nhiều vào nguồn vốn huy động và thường xuyên đối mặt với nhiều loại rủi ro, ngân hàng cần duy trì cơ chế quản trị và kiểm soát chặt chẽ nhằm hạn chế sai lệch thông tin. Chất lượng báo cáo tài chính trong trường hợp này không chỉ phục vụ nhà đầu tư mà còn có ý nghĩa đối với người gửi tiền, cơ quan quản lý và sự ổn định của toàn bộ hệ thống tài chính.

Trong bối cảnh Việt Nam, xu hướng hội nhập tài chính quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững đang thúc đẩy các ngân hàng từng bước tiếp cận các chuẩn mực IFRS, tăng cường hoạt động tài chính xanh và thực hành ESG. Những chuyển biến này tạo thêm động lực để các ngân hàng nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và chất lượng thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các ngân hàng về quy mô hoạt động, năng lực quản trị, nguồn lực tài chính, trình độ công nghệ và mức độ chuyển đổi số có thể dẫn đến sự khác biệt đáng kể trong chất lượng báo cáo. Vì vậy, việc tiếp tục nhận diện và phân tích các yếu tố tác động đến chất lượng bền vững của báo cáo tài chính là cần thiết, đặc biệt trong phạm vi các ngân hàng thương mại Việt Nam (Buallay, 2019; IFRS Foundation, 2023).

3.2. Tổng quan cơ sở lý luận về các yếu tố tác động đến chất lượng bền vững báo cáo tài chính

Chất lượng bền vững của báo cáo tài chính doanh nghiệp, nhất là các ngân hàng thương mại, do nhiều yếu tố tác động, đã được rất nhiều tác giả nghiên cứu và công bố trong và ngoài nước. Vì vậy, nội dung tiếp theo của bài viết sẽ lược khảo những tài liệu có liên quan, cụ thể được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1: Tổng hợp các nghiên cứu về các yếu tố tác động đến chất lượng bền vững báo cáo tài chính

Tác giả	Hướng nghiên cứu	Mẫu nghiên cứu	Thang đo/ Cách đo lường	Kết quả chính
Nurul Hidayah, Lucky Nugroho & Hendy Prihanto (2021)	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững (SRQ).	Doanh nghiệp niêm yết tại Indonesia	Chỉ số SRQ theo GRI; dữ liệu thứ cấp	Áp lực các bên liên quan, hiệu quả tài chính và quản trị doanh nghiệp tác động tích cực đến SRQ.
Loh, L., Thao, N. T. P., Sim, I., Thomas, T., & Yu, W. (2016)	Phân tích thực trạng báo cáo phát triển bền vững tại ASEAN.	Các doanh nghiệp ASEAN	Phân tích nội dung theo GRI	Báo cáo phát triển bền vững ngày càng được áp dụng rộng rãi nhưng còn khác biệt giữa các quốc gia.
Almagtome, A., & Khaghaany, M. (2017).	Tác động của văn hóa quốc gia và bất ổn chính trị đến báo cáo phát triển bền vững.	Doanh nghiệp nhiều quốc gia	Chỉ số văn hóa Hofstede; dữ liệu thứ cấp	Văn hóa và môi trường chính trị ảnh hưởng đáng kể đến mức độ công bố.
Anna-Lena Kühn, Markus Stiglbauer & Matthias S. Fifka	Các yếu tố quyết định công bố CSR trên website doanh nghiệp.	Doanh nghiệp tại 7 quốc gia châu Phi	Chỉ số công bố CSR	GDP quốc gia và hoạt động từ thiện địa phương có ảnh hưởng tích cực đến công bố CSR.
Jing Lu & Jun Wang (2021)	Ảnh hưởng của quản trị doanh nghiệp, pháp luật, văn hóa và hiệu quả môi trường đến công bố CSR.	Doanh nghiệp toàn cầu	CSR Disclosure Index	Quản trị doanh nghiệp và hiệu quả môi trường có ảnh hưởng tích cực đến công bố CSR.
Hahn & Kühnen (2013)	Tổng quan các yếu tố quyết định báo cáo phát triển bền vững.	178 nghiên cứu (Systematic Review)	Không xây dựng thang đo	Quy mô doanh nghiệp, ngành nghề, khả năng sinh lời, quản trị và thể chế là các yếu tố được nghiên cứu nhiều nhất.
Chang, W. F., Amran, A., Iranmanesh, M., & Foroughi, B. (2019)	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của tổ chức tài chính.	100 tổ chức tài chính tại 24 quốc gia	SRQ theo GRI G4; các biến độc lập đo bằng biến giả và dữ liệu thứ cấp	Yếu tố thể chế, văn hóa và đặc điểm doanh nghiệp ảnh hưởng đáng kể đến SRQ.
Simoni, Bini & Bellucci (2020)	Các yếu tố ảnh hưởng đến đảm bảo báo cáo phát triển bền vững.	417 doanh nghiệp châu Âu	Assurance (0/1); ESG Score; GRI	Cam kết với các bên liên quan, hiệu quả môi trường và áp dụng GRI làm tăng khả năng sử dụng dịch vụ đảm bảo báo cáo.
Isabel Gallego-Álvarez et al.	Ràng buộc thể chế và áp lực các bên liên quan đối với công bố môi trường.	Doanh nghiệp đa quốc gia	Environmental Disclosure Index	Áp lực các bên liên quan thúc đẩy công bố thông tin môi trường.
Anh-Tuan, L., Huyen-Tram, N.T., Xuan-Hung, N., & Thanh-Long, N.V. (2022)	Các yếu tố ảnh hưởng đến công bố thông tin kế toán môi trường tại doanh nghiệp khách sạn Việt Nam.	216 doanh nghiệp khách sạn	Likert 5 mức; Cronbach's Alpha, EFA	Quan điểm nhà quản lý và quy định pháp luật có tác động mạnh nhất đến công bố thông tin.
Pham et al. (2022)	Vai trò của cơ chế giám sát đối với chất lượng báo cáo tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	362 phiếu hợp lệ	Likert 5 mức; PLS-SEM	Kiểm soát nội bộ, kiểm toán độc lập và thanh tra tài chính góp phần nâng cao chất lượng báo cáo tài chính.
Van Linh, N., Hung, D. N., & Binh, T. Q. (2022).	Mối quan hệ giữa báo cáo phát triển bền vững và giá trị doanh nghiệp.	360 doanh nghiệp phi tài chính Việt Nam (2015–2019)	Chỉ số SR theo GRI	Báo cáo phát triển bền vững có tác động tích cực đến giá trị doanh nghiệp.
Hung Ngoc Dang & Cuong Duc Pham (2022)	Tác động của chất lượng lợi nhuận đến báo cáo phát triển bền vững.	Doanh nghiệp phi tài chính niêm yết tại Việt Nam	Chỉ số chất lượng lợi nhuận; SR theo GRI	Chất lượng lợi nhuận cao làm gia tăng mức độ công bố báo cáo phát triển bền vững.
Nguyen Thi Phuong Hong (2024)	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của NHTM Việt Nam	Các NHTM Việt Nam	Mô hình hồi quy	Quy mô HĐQT, tính độc lập HĐQT, quy mô ngân hàng và khả năng sinh lời tác động tích cực.
Nguyen Van Ha, Vu Khanh Linh & Do Khanh Hien (2025)	Chất lượng báo cáo bền vững và sự ổn định của NHTM Việt Nam	NHTM Việt Nam	Dữ liệu bảng	Chất lượng báo cáo bền vững góp phần nâng cao sự ổn định ngân hàng.

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2026

Dựa trên bảng tổng hợp các nghiên cứu trước đây, chất lượng bền vững của báo cáo tài chính tùy theo mỗi quan điểm, khu vực, đặc điểm từng quốc gia, phương pháp nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu... khác nhau sẽ có những yếu tố khác nhau ảnh hưởng. Nhìn chung, có ba nhóm yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bền vững của báo cáo tài chính như sau: (1) đặc điểm doanh nghiệp (quy mô doanh nghiệp, khả năng sinh lời, đòn bẩy tài chính); (2) cơ chế quản trị doanh nghiệp (quy mô HĐQT, thành viên độc lập, chất lượng kiểm toán); và (3) môi trường thể chế (chuẩn mực IFRS Sustainability, quy định pháp lý và áp lực từ các bên liên quan).

Khoảng trống nghiên cứu:

Mặc dù số lượng nghiên cứu về chất lượng báo cáo tài chính và báo cáo phát triển bền vững ngày càng tăng, vẫn tồn tại một số khoảng trống như sau:

Thứ nhất, có sự khác biệt về cách tiếp cận khái niệm. Một số nghiên cứu tập trung vào chất lượng báo cáo tài chính thông qua các đặc tính của thông tin hoặc chất lượng lợi nhuận, trong khi các nghiên cứu khác sử dụng chỉ số công bố báo cáo phát triển bền vững hoặc ESG.

Thứ hai, các nghiên cứu về chất lượng báo cáo bền vững tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào doanh nghiệp phi tài chính. Trong khi đó, ngân hàng thương mại có đặc điểm hoạt động khác biệt đáng kể do chịu sự quản lý chặt chẽ, có cấu trúc tài sản và nguồn vốn đặc thù và có mức độ rủi ro cao.

Thứ ba, các nghiên cứu tại Việt Nam còn hạn chế trong việc xem xét đồng thời ba nhóm yếu tố gồm đặc điểm doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp và môi trường thể chế.

Thứ tư, yếu tố ESG và quá trình tiếp cận các chuẩn mực báo cáo quốc tế đang tạo ra những yêu cầu mới nhưng chưa được phản ánh đầy đủ trong các mô hình nghiên cứu về chất lượng báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ những khoảng trống trên, có thể thấy cần thiết xây dựng một mô hình nghiên cứu vừa kế thừa các kết quả đã được kiểm chứng trong các nghiên cứu trước đây, vừa bổ sung những yếu tố phản ánh đặc thù của ngân hàng thương mại Việt Nam.

3.3. Định hướng xây dựng mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trước, mô hình nghiên cứu có thể xem chất lượng bền vững của báo cáo tài chính là biến phụ thuộc, được giải thích bởi ba nhóm yếu tố: đặc điểm ngân hàng, cơ chế quản trị và môi trường thể chế. Nhóm đặc điểm ngân hàng gồm quy mô, khả năng sinh lời và đòn bẩy tài chính; nhóm quản trị gồm quy mô, tính độc lập của Hội đồng quản trị, chất lượng kiểm toán và kiểm soát nội bộ; nhóm thể chế gồm mức độ tuân thủ pháp luật, tiếp cận IFRS Sustainability Disclosure Standards và áp lực từ các bên liên quan.

Khi xây dựng mô hình, cần phân biệt rõ chất lượng báo cáo tài chính với mức độ công bố thông tin bền vững, đồng thời xác định thang đo dựa trên các đặc tính như tính thích hợp, trình bày trung thực, khả năng so sánh và kiểm chứng. Đối với nghiên cứu thực nghiệm, có thể kết hợp dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo của ngân hàng với dữ liệu sơ cấp. Thang đo cần được kiểm định về độ tin cậy và giá trị trước khi phân tích mô hình; trường hợp sử dụng chỉ số công bố thông tin, cần xác lập tiêu chí chấm điểm và phương thức xử lý dữ liệu nhất quán. Cách tiếp cận này giúp bảo đảm sự phù hợp giữa cơ sở lý thuyết, phương pháp đo lường và đặc điểm dữ liệu nghiên cứu.

4. Kết luận và hướng nghiên cứu tiếp theo

Thông qua kết quả khảo lược tổng quan hệ thống cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trong và ngoài nước trước đây có liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bền vững báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Mặc dù các nghiên cứu đã cung cấp nhiều bằng chứng thực nghiệm, kết quả vẫn chưa thống nhất do sự khác biệt về bối cảnh, phương pháp đo lường và đặc điểm của từng quốc gia. Đối với các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, nghiên cứu về chất lượng bền vững của báo cáo tài chính vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong việc tích hợp các yếu tố ESG với các đặc thù của ngành ngân hàng. Vì vậy, trong các nghiên cứu tiếp theo, tác giả tiến hành xây dựng khung mô hình lý thuyết phù hợp với bối cảnh Việt Nam, phát triển thang đo toàn diện và kiểm định bằng dữ liệu

thực nghiệm nhằm làm rõ mức độ cũng như cơ chế tác động của từng yếu tố. Kết quả nghiên cứu sẽ bổ sung, cung cấp cũng như xuất các hàm ý quản trị và chính sách nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính theo hướng bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Almagtome, A., & Khaghaany, M. (2017, November). *The impact of national culture and political instability on sustainability reporting: A comparative study* [Conference paper]. i-Proclaim 3rd Annual Research Conference on Business, Humanity and Law, Kuala Lumpur, Malaysia. <https://www.researchgate.net/publication/334647109>.
- Anh-Tuan, L., Huyen-Tram, N. T., Xuan-Hung, N., & Thanh-Long, N. V. (2022). Disclosure of environmental accounting information at business enterprises in the hotel sector: Case study in Vietnam. *GeoJournal of Tourism and Geosites*, 42, 700–707.
- Barth, M. E., Cahan, S. F., Chen, L., & Venter, E. R. (2017). The economic consequences associated with integrated report quality: Capital market and real effects. *Accounting, Organizations and Society*, 62, 43–64.
- Buallay, A. (2019). Is sustainability reporting (ESG) associated with performance? Evidence from the European banking sector. *Management of Environmental Quality*, 30(1), 98–115.
- Chang, W. F., Amran, A., Iranmanesh, M., & Foroughi, B. (2019). Drivers of sustainability reporting quality: Financial institution perspective. *International Journal of Ethics and Systems*, 35(4), 632–650.
- Dang, H. N., & Pham, C. D. (2022). The effects of earning quality on sustainable reports: An empirical study from Vietnam. *Economic Research-Ekonomska Istraživanja*, 35(1), 6705–6722.
- Dechow, P. M., Ge, W., & Schrand, C. M. (2010). Understanding earnings quality: A review of the proxies, their determinants and their consequences. *Journal of Accounting and Economics*, 50(2–3), 344–401.
- Dragomir, V. D., & Dumitru, M. (2023). Does corporate governance improve integrated reporting quality? A meta-analytical investigation. *Meditari Accountancy Research*, 31(6), 1846–1885. <https://doi.org/10.1108/MEDAR-03-2022-1618>.
- Eccles, R. G., Ioannou, I., & Serafeim, G. (2014). The impact of corporate sustainability on organizational processes and performance. *Management Science*, 60(11), 2835–2857.
- Gallego-Alvarez, I., Ortas, E., Vicente-Villardón, J. L., & Alvarez Etxeberria, I. (2017). Institutional constraints, stakeholder pressure and corporate environmental reporting policies. *Business Strategy and the Environment*, 26(6), 807–825.
- Hahn, R., & Kühnen, M. (2013). Determinants of sustainability reporting: A review of results, trends, theory, and opportunities in an expanding field of research. *Journal of Cleaner Production*, 59, 5–21.
- Hidayah, N., Nugroho, L., & Prihanto, H. (2021). The determinant factors of sustainability report quality and corporate performance: An empirical study. *International Journal of Finance, Insurance and Risk Management*, 11(1), 24–37. <https://doi.org/10.35808/ijfirm/247>
- IFRS Foundation. (2023). *IFRS S1 general requirements for disclosure of sustainability-related financial information*.
- International Accounting Standards Board. (2018). *Conceptual framework for financial reporting*. IFRS Foundation.
- Kühn, A. L., Stiglbauer, M., & Fifka, M. S. (2018). Contents and determinants of corporate social responsibility website reporting in Sub-Saharan Africa: A seven-country study. *Business & Society*, 57(3), 437–480.
- Loh, L., Thao, N. T. P., Sim, I., Thomas, T., & Yu, W. (2016). *Sustainability reporting in ASEAN*. Centre for Governance, Institutions and Organisations, NUS Business School.
- Lu, J., & Wang, J. (2021). Corporate governance, law, culture, environmental performance and CSR disclosure: A global perspective. *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 70, Article 101264.
- Nguyen, T. P. H. (2024). Factors affecting the financial reporting quality in commercial banks: Evidence in Vietnam. *International Journal of Applied Economics, Finance and Accounting*, 19(2), 271–283.
- Nguyen, V. H., Vu, K. L., & Do, K. H. (2025). Quality of sustainability reporting and bank stability: Empirical evidence from Vietnamese commercial banks. *Dalat University Journal of Science*, 15(1), 27–44. [https://doi.org/10.37569/DalatUniversity.15.1.1315\(2025\)](https://doi.org/10.37569/DalatUniversity.15.1.1315(2025)).
- Pham, Q. T., Truong, T. H. D., Ho, X. T., & Nguyen, Q. T. (2022). The role of supervisory mechanisms in improving financial reporting quality by Vietnam public non-business unit. *Cogent Business & Management*, 9(1), Article 2112538.
- Pillai, Y., & Seetah, K. (2022). Determinants of integrated reporting quality of financial firms. *The Indonesian Journal of Accounting Research*, 25(2), 247–274.
- Simoni, L., Bini, L., & Bellucci, M. (2020). Effects of social, environmental, and institutional factors on sustainability report assurance: Evidence from European countries. *Meditari Accountancy Research*, 28(6), 1059–1087.
- Van Linh, N., Hung, D. N., & Binh, T. Q. (2022). Relationship between sustainability reporting and firm's value: Evidence from Vietnam. *Cogent Business & Management*, 9(1), Article 2082014.
- Velte, P. (2022). Archival research on integrated reporting: A systematic review of main drivers and the impact of integrated reporting on firm value. *Journal of Management and Governance*, 26(4), 997–1061.